

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,104,522,504,719	2,852,182,834,679
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	943,103,933,121	943,317,929,162
1. Tiền	111		601,423,819,567	462,812,338,185
2. Các khoản tương đương tiền	112		341,680,113,554	480,505,590,977
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		532,473,436,319	596,435,977,429
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	648,527,199,042	709,098,882,680
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(116,053,762,723)	(112,662,905,251)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,325,047,303,922	1,071,258,589,478
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	386,910,489,771	372,508,287,101
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	214,406,477,176	176,014,823,672
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	752,535,477,503	559,962,183,553
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(28,805,140,528)	(37,226,704,848)
IV. Hàng tồn kho	140		82,954,801,834	91,266,054,783
1. Hàng tồn kho	141	V.8	82,954,801,834	91,266,054,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		220,943,029,523	149,904,283,827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	5,867,423,387	10,662,329,481
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28,220,423,011	33,606,507,990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	38,826,342,674	18,638,430,657
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	148,028,840,451	86,997,015,699



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 2 năm 2015 (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,349,163,630,856	5,327,599,648,251
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		74,942,000,000	138,800,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	74,942,000,000	138,800,000,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,308,585,442,657	3,260,291,389,962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	2,207,750,564,073	2,203,279,354,846
<i>Nguyên giá</i>	222		3,745,985,908,351	3,626,381,678,194
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,538,235,344,278)	(1,423,102,323,348)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	26,856,862,019	14,392,730,508
<i>Nguyên giá</i>	225		29,005,337,261	14,592,547,596
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2,148,475,242)	(199,817,088)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	244,126,504,326	243,238,161,793
<i>Nguyên giá</i>	228		267,587,133,067	263,960,390,873
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23,460,628,741)	(20,722,229,080)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	829,851,512,239	799,381,142,815
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,520,062,970,005	1,490,250,243,075
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	1,344,880,750,314	1,330,098,083,405
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	294,431,057,558	278,376,057,558
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(119,248,837,866)	(118,223,897,888)
V. Tài sản dài hạn khác	260		268,596,049,932	244,584,271,342
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	220,835,291,644	188,282,319,704
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	10,930,651,888	19,787,114,718
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	36,830,106,400	36,514,836,920
VI. Lợi thế thương mại	269	V.23	176,977,168,262	193,673,743,872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,453,686,135,574	8,179,782,482,929

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 2 năm 2015 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,265,223,955,416	2,960,719,905,649
I. Nợ ngắn hạn	310		1,439,680,206,256	1,169,335,416,917
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	303,922,304,750	407,459,005,056
2. Phải trả người bán	312	V.25	462,602,054,390	358,990,957,570
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	39,244,127,604	16,602,315,953
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	26,263,818,461	40,060,449,883
5. Phải trả người lao động	315	V.28	25,986,551,134	41,445,339,543
6. Chi phí phải trả	316	V.29	198,498,545,076	153,438,690,210
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	303,166,830,485	82,002,505,900
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	57,114,224,835	56,982,318,300
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22,881,749,520	12,353,834,502
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,825,543,749,160	1,791,384,488,732
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	58,034,367,386	44,120,963,909
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	1,512,904,100,105	1,480,319,700,911
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11,564,345,311	12,329,887,999
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.34	243,040,936,358	254,613,935,913
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,830,452,091,536	4,877,981,107,830
I. Vốn chủ sở hữu	410		4,830,452,091,536	4,877,981,107,830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1,161,379,940,000	1,161,379,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	71,797,775,902	71,797,775,902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.35	43,173,054,508	38,199,702,355
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	59,249,519,158	51,499,897,853
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35		
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	63,775,858,367	52,475,599,954
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	959,601,469,201	1,031,153,717,365
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

11-1 2015 1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 2 năm 2015 (tiếp theo)

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	358,010,088,624	341,081,469,449
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,453,686,135,575	8,179,782,482,929

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



10
G
P
1
11

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	914,094,607,666	701,453,926,038	1,729,286,047,468	1,354,610,687,741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,423,902,443	807,625,554	3,299,058,754	1,959,190,201
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	912,670,705,223	700,646,300,484	1,725,986,988,714	1,352,651,497,540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	652,833,736,407	547,400,610,018	1,264,434,036,900	1,103,715,207,898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259,836,968,816	153,245,690,466	461,552,951,814	248,936,289,642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,237,265,737	591,709,537,336	36,701,785,371	649,291,085,086
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	53,311,812,123	121,793,067,636	123,737,038,220	139,402,300,707
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25,925,343,881	27,447,758,823	53,800,040,375	52,084,990,473
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9,558,220,381	6,544,159,766	19,239,060,809	12,562,105,214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	52,996,058,406	66,530,494,218	109,502,143,976	129,315,255,889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166,208,143,643	550,087,506,182	245,776,494,180	616,947,712,918
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,888,498,353	2,514,071,172	4,312,631,726	8,592,916,328
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,064,380,920	2,798,412,142	1,921,364,070	3,198,522,703
13. Lợi nhuận khác	40		1,824,117,433	- 284,340,970	2,391,267,656	5,394,393,625
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168,032,261,076	549,803,165,212	248,167,761,836	622,342,106,543
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6,951,746,282	73,026,462,456	15,606,218,818	79,364,652,411
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		7,927,143,284	(73,208,777,099)	(1,312,180,890)	29,888,819,130
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>153,153,371,510</u>	<u>549,985,479,855</u>	<u>233,873,723,908</u>	<u>513,088,635,002</u>
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		15,106,881,927	6,698,631,339	29,775,453,837	12,360,062,653
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>138,046,489,581</u>	<u>543,286,848,515</u>	<u>204,098,270,070</u>	<u>500,728,572,349</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1,188</u>	<u>4,731</u>	<u>1,757</u>	<u>4,362</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	248,167,761,836	622,342,106,543
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	134,224,691,222	150,334,625,395
- Các khoản dự phòng	03	(3,873,860,334)	71,405,286,181
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22,660,857,603	(1,088,667,483)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20,685,921,479)	(625,415,971,537)
- Chi phí lãi vay	06	53,800,040,375	52,084,990,473
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	434,293,569,222	269,662,369,572
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4,057,106,739	34,262,918,998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8,311,252,949	(20,446,107,936)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(54,542,192,197)	20,109,424,776
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27,758,065,846)	1,907,516,067
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15,997,889,357)	(34,144,828,720)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(54,937,905,646)	(47,805,420,327)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	76,633,719,779	12,320,522,879
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(130,577,861,771)	(25,053,821,574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	239,481,733,871	210,812,573,735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(232,343,808,538)	(344,161,259,327)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9,135,909,090	1,778,908,281
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(884,191,000,000)	(33,045,194,549)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	962,217,683,638	46,228,178,788
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(47,446,000,000)	(80,760,140,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	788,004,470,772
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,014,910,671	4,196,098,229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181,612,305,139)	382,241,062,194

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 năm 2015 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	17,163,250,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2,041,732,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	64,668,647,640	734,191,314,905
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119,548,079,436)	(437,464,847,559)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(1,915,292,698)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,288,700,280)	(10,221,497,765)
			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(58,083,424,774)	301,626,487,581
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(213,996,041)	894,680,123,510
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	943,317,929,162	470,211,689,829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(108,013,901)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	943,103,933,121	1,364,783,799,438

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2015 của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh 1.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ**

: Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

: Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Tổng số các công ty con**

:

24

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất

:

24

5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	81,60 %	81,60 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Singapore) Ltd.	20 Cecil Street, #12-02 Equity Plaza	100,00 %	100,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	Singapore 049705 20 Cecil Street, #12-02 Equity Plaza Singapore 049705	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53,20 %	53,20 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis -	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
công nghiệp cao su Thái Bình Dương	4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint-Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	84,66%	84,66%
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Hàng Hải Thái Bình Dương	Lầu 21, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM, Việt Nam	100,00%	100,00%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbernatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,03%	38,03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29,82%	29,82%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade	49,00%	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
(Việt Nam)	Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tiếp Vận “K” Line - Gemadept	Lầu 22 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(*)	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	50.00%	50.00%

^(*)Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 50%. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 2 năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 09

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, chi phí dự án trồng cao su tại Cambodia, chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê còn lại là 39 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe....) được phân bổ vào chi phí trong kỳ từ 02 - 05 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

22. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu tư chiều sâu theo quyết định của HĐQT
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn hàng năm.

24. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.354 VND/USD
16.066 VND/SGD
6.025 VND/RM
30/06/2015 : 21.795 VND/USD
16.149 VND/SGD
5.802 VND/RM

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.11.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

28. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

29. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

11/01/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

30. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

31. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	20.734.650.147	19.456.970.946
Tiền gửi ngân hàng	577.270.923.211	443.237.837.924
Tiền đang chuyển	3.418.246.209	117.529.315
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	341.680.113.554	480.505.590.977
Cộng	<u>943.103.933.121</u>	<u>943.317.929.162</u>

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.872.199.042	144.874.562.680
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	21.255.000.000	81.824.320.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	21.255.000.000	10.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	71.824.320.000
Cộng	<u>648.527.199.042</u>	<u>709.098.882.680</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	(112.662.905.251)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(3.390.857.472)
Số cuối kỳ	<u>(116.053.762.723)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	118.993.204.885	125.652.879.292
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	15.709.559.196	8.674.404.888
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	849.931.557	506.208.450
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	34.082.613.743	51.256.282.340
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	3.013.605.163	2.282.818.522
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	124.573.734.145	99.453.267.802
Tại Công ty CP ĐT XD phát triển hạ tầng Gemadept	7.489.220.291	3.391.369.791
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	10.464.035.825	9.845.722.343
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	610.937.130	353.626.254
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	31.681.471.758	37.555.151.389
Tại Công ty TNHH MTV VT hàng hải Thái Bình Dương	-	83.511.046

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	39.442.176.078	33.453.044.984
Cộng	<u>386.910.489.771</u>	<u>372.508.287.101</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	70.390.781.748	63.887.284.261
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd	200.693.501	-
Tại Gemadept (Singapore) Ltd	2.485.982.162	517.582.256
Tại Công ty CP cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	190.157.500	21.605.000
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp VNM	22.000.000	22.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	58.181.548.371	22.621.673.829
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	18.182.331.981	17.080.660.696
Tại Công ty CP tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty CP ĐT XD phát triển hạ tầng Gemadept	4.574.720.221	2.467.480.406
Tại Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	614.718.152	432.333.068
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	45.165.102.496	44.295.102.496
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	2.390.642.805	539.408.499
Tại Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	8.426.456.131	8.339.164.080
Tại Công ty TNHH MTV CN cao su Thái Bình Dương	-	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	1.211.763.400	13.475.581.505
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	54.631.132	-
Cộng	<u>214.406.477.176</u>	<u>176.014.823.672</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	73.944.262.965	38.859.387.177
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	1.659.507.685	17.152.993.140
Pacific Pride Co., Ltd.	581.344.929.412	483.970.707.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.650.000.000	1.253.460.000
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	4.000.803.271	4.169.760.983
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Nộp thừa thuế	8.763.981.916	8.763.981.916
Các khoản phải thu khác	74.171.992.254	2.791.892.803
Cộng	<u>752.535.477.503</u>	<u>559.962.183.553</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số đầu năm		(37.226.704.848)
Hoàn nhập dự phòng		8.421.564.320
Số cuối kỳ		(28.805.140.528)
8. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	20.175.853.044	14.233.713.044
Nhiên liệu	16.404.475.221	18.596.038.214
Công cụ dụng cụ	881.192.555	866.011.470
Phụ tùng thay thế	12.274.198.062	11.512.678.478
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.043.013.062	39.866.814.580
Hàng hóa	6.176.069.890	6.190.798.997
Cộng	82.954.801.834	91.266.054.783
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	942.224.886	4.182.219.846
Công cụ, dụng cụ	1.803.044.395	4.319.626.196
Chi phí bảo hiểm	959.895.590	1.262.877.915
Các chi phí khác	2.162.258.516	897.605.524
Cộng	5.867.423.387	10.662.329.481
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	38.826.342.674	18.638.430.657
Cộng	38.826.342.674	18.638.430.657
11. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	78.135.366.949	72.595.570.946
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	69.883.840.708	14.400.875.503
Tài sản thiếu chờ xử lý	9.632.794	569.250
Cộng	148.028.840.451	86.997.015.699
12. Phải thu dài hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	34.942.000.000	98.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	74.942.000.000	138.800.000.000

13. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.133.408.067.665	645.246.820.033	1.829.583.913.115	16.360.703.639	1.782.173.742	3.626.381.678.194
Tăng trong kỳ	38.901.537.225	7.252.411.954	94.635.570.925	1.435.335.136	-	142.224.855.239
Giảm trong kỳ	-	(1.606.621.926)	(21.014.003.157)	-	-	(22.620.625.083)
Số cuối kỳ	1.172.309.604.890	650.892.610.061	1.903.205.480.883	17.796.038.775	1.782.173.742	3.745.985.908.351
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	182.575.988.623	253.257.618.327	971.433.888.737	14.410.214.198	1.424.613.463	1.423.102.323.348
Tăng trong kỳ	42.492.426.947	22.222.391.021	51.295.745.034	627.599.357	42.739.681	116.680.902.040
Giảm trong kỳ	-	(395.504.509)	(308.851.042)	(843.525.559)	-	(1.547.881.110)
Số cuối kỳ	225.068.415.570	275.084.504.839	1.022.420.782.729	14.194.287.996	1.467.353.144	1.538.235.344.278
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	950.832.079.041	391.989.201.706	858.150.024.378	1.950.489.441	357.560.280	2.203.279.354.846
Số cuối kỳ	947.241.189.319	375.808.105.223	880.784.698.154	3.601.750.777	314.820.600	2.207.750.564.073

14. Tăng, giảm tài sản thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	14.592.547.596	199.817.088	14.392.730.508
Tăng trong kỳ	14.412.789.665	1.948.658.154	12.464.131.511
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	29.005.337.261	2.148.475.242	26.856.862.019

15. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Chi phí thiết kế web</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	247.722.755.989	16.207.634.884	30.000.000	263.960.390.873
Tăng trong kỳ	3.626.742.194	-	-	3.626.742.194
Giảm trong kỳ	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	<u>251.349.498.183</u>	<u>16.207.634.884</u>	<u>30.000.000</u>	<u>267.587.133.067</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.990.585.222	9.728.310.526	3.333.332	20.722.229.080
Tăng trong kỳ	1.609.376.486	1.124.023.177	4.999.998	2.738.399.661
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>12.599.961.708</u>	<u>10.852.333.703</u>	<u>8.333.330</u>	<u>23.460.628.741</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>236.732.170.767</u>	<u>6.479.324.358</u>	<u>26.666.668</u>	<u>243.238.161.793</u>
Số cuối kỳ	<u>238.749.536.475</u>	<u>5.355.301.181</u>	<u>21.666.670</u>	<u>244.126.504.326</u>

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo bảng sau:

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	67.428.096.919	(21.399.813.212)	1.571.432.679	47.599.716.386
XDCB dở dang	731.953.045.896	-	50.298.749.957	782.251.795.853
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684		-	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104		-	958.396.104
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.865.085.825		-	51.865.085.825
- Dự án cao su của Pacific Pearl	346.368.734.633	-	6.746.241.115	353.114.975.748
- Dự án cao su của Pacific Lotus	330.703.525.650	-	43.552.508.842	374.256.034.492
Cộng	<u>799.381.142.815</u>	<u>(21.399.813.212)</u>	<u>51.870.182.636</u>	<u>829.851.512.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Số cuối kỳ
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	50.866.819.259
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	10.395.450.697
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	49,00%	5.963.961.052
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	15.649.233.596
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,03%	27.848.444.534
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,82%	165.708.816.174
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	37.663.658.297
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40,00%	83.745.403.136
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ khai thác cảng	50,00%	939.492.693.181
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ vận tải bộ, kho bãi,...	50,00%	7.546.270.388
Cộng			1.344.880.750.314

(i) Tăng do góp vốn bổ sung

(ii) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 50% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	165.581.032.000	165.581.032.000
Đầu tư dài hạn khác	128.850.025.558	112.795.025.558
Cộng	294.431.057.558	278.376.057.558

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(5.676.405.866)	(4.651.465.888)
Cộng	(119.248.837.866)	(118.223.897.888)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	157.015.178.848	156.973.295.830
Công cụ, dụng cụ	37.154.057.185	9.021.471.583
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	6.430.070.988	7.885.990.709
Chi phí trang trí nội thất	391.095.127	768.729.723
Chi phí nạo vét bến phao	2.305.239.128	3.145.935.635
Lãi thuê tài chính	8.758.245.581	4.701.317.745
Phần mềm kế toán	91.162.499	15.193.757
Các chi phí khác	8.690.242.288	5.770.384.722
Cộng	<u>220.835.291.644</u>	<u>188.282.319.704</u>

(i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	28.359.972.600	25.011.082.670
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	871.800.000	854.160.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	7.598.333.800	10.649.594.250
Cộng	<u>36.830.106.400</u>	<u>36.514.836.920</u>

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải. Chi tiết phân bổ như sau:

Số đầu năm	193.673.743.872
Phát sinh trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	<u>(16.696.575.610)</u>
Số cuối kỳ	<u>176.977.168.262</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	261.457.139.891	277.688.542.614
Tại Công ty CP cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	9.000.000.000	18.818.223.625
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	30.465.164.859	29.784.436.080
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	-	1.381.470.565
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	3.000.000.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	-	76.786.332.172
Cộng	<u>303.922.304.750</u>	<u>407.459.005.056</u>

25. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	74.078.402.897	53.495.003.558
Tại Công ty CP cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	4.473.041.725	2.744.411.438
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	1.737.783.071	1.500.050.155
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	1.520.621.021	822.258
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	24.821.452.550	16.019.879.520
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	19.557.973	16.987.973
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	62.856.921.254	42.309.362.030
Tại Công ty CP ĐT XD phát triển hạ tầng Gemadept	216.685.683	5.422.550.253
Tại Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	30.512.449.721	28.683.280.110
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	18.745.109.894	15.948.665.871
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	13.861.660.626	14.000.193.314
Tại Công ty TNHH MTV VT hàng hải Thái Bình Dương	1.997.159.109	5.148.238.601
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	211.528.883.947	160.375.351.926
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	15.685.325.416	13.326.160.563
Tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Hàng Hải Thái Bình Dương	546.999.503	-
Cộng	<u>462.602.054.390</u>	<u>358.990.957.570</u>

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	14.281.705.844	6.509.573.223
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	2.415.595	8.366.317
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	7.935.498.074	8.562.486.340
Tại Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	8.408.438.867	337.169.686
Tại Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	1.732.374.141	1.161.114.368
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.813.725.203	9.002.554
Tại Công ty TNHH MTV VT hàng hải Thái Bình Dương	-	589.065
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84.434.633	14.014.400

101 00 55 / 511

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	-	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.943.267.200	-
Tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Hàng Hải Thái Bình Dương	3.042.268.047	-
Cộng	39.244.127.604	16.602.315.953

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.263.818.461	40.060.449.883
Cộng	26.263.818.461	40.060.449.883

28. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	113.020.838.733	81.838.142.374
Chi phí cho dự án trồng cao su	28.501.184.192	26.095.292.682
Chi phí hoa hồng	1.943.660.723	2.591.277.944
Chi phí khác	55.032.861.428	42.913.977.210
Cộng	198.498.545.076	153.438.690.210

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.581.400.400	497.253.306
Cổ tức phải trả	245.852.970.350	5.387.708.309
Nhận ký quỹ ngắn hạn	7.970.611.140	4.910.709.761
Tài sản thừa chờ xử lý	2.351.543.475	2.181.569.521
Các khoản phải trả khác	43.410.305.120	69.025.265.003
- Các khoản thu hộ phải trả	598.246.927	2.255.470.788
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	-	319.160.144
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	22.766.405.041	51.063.280.026
- Các khoản phải trả khác	20.045.653.152	15.387.354.045
Cộng	303.166.830.485	82.002.505.900

31. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

32. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất (*)	50.780.604.003	43.263.609.726
Nhận ký quỹ dài hạn khác	7.253.763.383	857.354.183
Cộng	<u>58.034.367.386</u>	<u>44.120.963.909</u>

(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty cổ phần Hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần Hoa sen Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 đến ngày 30/06/2015. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept (*)	908.774.896.024	903.181.681.890
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	176.000.000.000	176.000.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	10.461.600.000	25.104.024.696
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	236.740.960	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	417.430.863.121	376.033.994.325
Cộng	<u>1.512.904.100.105</u>	<u>1.480.319.700.911</u>

(*) Trong đó bao gồm khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P, theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Hạn mức vay : USD 40,000,000

Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.

Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty cổ phần Gemadept.

Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.

Mục đích vay : + Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
+ Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
+ Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.

Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:

+ Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty cổ phần Gemadept trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nam Hải.

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các dự án đầu tư, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất trả tiền hàng năm thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn

34. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	242.998.481.408	245.906.126.459
Doanh thu chưa thực hiện	42.454.950	8.707.809.454
Cộng	<u>243.040.936.358</u>	<u>254.613.935.913</u>

35. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.161.379.940.000	1.161.379.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	43.173.054.508	38.199.702.355
Quỹ đầu tư phát triển	59.249.519.158	51.499.897.853
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	63.775.858.367	52.475.599.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	959.601.469.201	1.031.153.717.365

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	116.137.994	116.137.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.729.286.047.468	1.354.610.687.741
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	818.183.498.067	443.735.889.926
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý; khác	911.102.549.401	870.011.517.977
- Doanh thu cho thuê văn phòng	-	40.863.279.838
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	(3.299.058.754)	(1.959.190.201)
Doanh thu thuần	<u>1.725.986.988.714</u>	<u>1.352.651.497.540</u>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	814.884.439.313	441.776.699.725
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý; khác	911.102.549.401	870.011.517.977
- Doanh thu cho thuê văn phòng	-	40.863.279.838

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	457.773.128.103	305.444.476.954
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	806.660.908.797	781.543.057.144
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	-	16.727.673.800
Cộng	<u>1.264.434.036.900</u>	<u>1.103.715.207.898</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.489.768.582	1.884.460.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.811.419.027	12.207.155.512
Lãi đầu tư chứng khoán, lãi liên doanh liên kết	18.295.271.617	8.783.969.149
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.105.326.145	626.415.500.146
Cộng	<u>36.701.785.371</u>	<u>649.291.085.086</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.800.040.375	52.084.990.473
Lỗ đầu tư chứng khoán	795.962.758	13.087.620.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.821.748.631	15.496.895.988
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	5.101.836.206	58.670.046.234
Chi phí tài chính khác	31.217.450.250	62.748.012
Cộng	123.737.038.220	139.402.300.707

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	19.239.060.809	12.562.105.214
Cộng	19.239.060.809	12.562.105.214

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	43.065.456.161	53.766.048.082
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.769.588.340	2.033.433.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.410.423.018	3.907.518.552
Chi phí dự phòng	16.920.112	12.735.239.947
Phân bổ lợi thế thương mại	19.785.833.318	20.656.390.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.681.765.435	18.900.901.327
Chi phí khác	12.772.157.592	17.315.723.982
Cộng	109.502.143.976	129.315.255.889

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.220.942.831	2.318.908.281
Thu nhập khác	3.091.688.895	6.274.008.047
Cộng	4.312.631.726	8.592.916.328

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	13.638.080	479.249.517
Chi phí khác	1.907.725.990	2.719.273.186
Cộng	1.921.364.070	3.198.522.703

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	204.098.270.070	500.728.572.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	204.098.270.070	500.728.572.349
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	116.137.994	114.794.657
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.757	4.362

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.982.084.192	202.899.635.125
Chi phí nhân công	148.524.364.118	105.211.071.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	134.224.691.222	142.935.035.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.016.393.017	745.003.033.103
Chi phí khác	66.427.709.134	36.798.756.805
Cộng	1.393.175.241.685	1.232.847.532.546

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line-Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	3.894.832.129	16.097.733.940
Chi phí dịch vụ	-	80.000.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	651.000.000	96.454.545
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	893.700.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam		
Doanh thu dịch vụ	-	4.780.539.572
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	280.777.850	220.179.520
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.650.000.000	-
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.531.460.000	1.735.560.000
Công ty cổ phần Liên hiệp thực phẩm		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	209.126.000	159.289.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	151.350.000	232.630.876
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn đầu tư	-	760.140.000
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Góp vốn đầu tư	5.324.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	2.230.964.245	-
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	6.866.038.124	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	2.621.597.690	1.609.739.811
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải thu khách hàng	4.284.315.341	1.762.632.876
Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm		
Phải thu khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Phải thu các khoản chi hộ	-	126.897.000
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.650.000.000	
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
Cộng nợ phải thu	<u>22.855.913.031</u>	<u>14.692.969.687</u>
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Phải trả người bán	330.000.000	732.827.500
<i>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</i>		
Phải trả người bán	2.937.264	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Vay ngắn hạn	<u>234.398.452.751</u>	<u>229.655.634.780</u>
Cộng nợ phải trả	<u>234.731.390.015</u>	<u>230.388.462.280</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc